

(KEM THEO BÀN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH PHÂN BỐ SỐ LƯỢNG XE Ô TÔ, PHƯƠNG THỨC QUẢN LÝ VÀ KHOAN KINH PHÍ SỬ DỤNG XE Ô TÔ THỰC VỤ CÔNG TÁC CHUNG CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA TỈNH TUYÊN QUANG NGÀY 11/10/2025)

Số TT	Diễn giải	Tổng số xe ô tô hiện có (không bao gồm xe đã có QĐ thanh lý nhưng chưa hoàn thành việc thanh lý)	Tiêu chuẩn định mức xe ô tô dự kiến phân bổ	Tổng tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chưa phân bổ	Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô của của Sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh, UBND TQ (bao gồm tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh)										Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh										Ghi chú	
					Tổng tiêu chuẩn định mức của Văn phòng cấp tỉnh, Sở, ngành cấp tỉnh	Sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh, UBND TQ (bao gồm tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh) bao gồm cả đơn vị trực thuộc có số biên chế dưới 20 người, Lao động HĐ					Các đơn vị có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng trực thuộc Sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh, UBND TQ (bao gồm tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh), Văn phòng cấp tỉnh có số biên chế từ 20 người trở lên (bao gồm cả số lượng người theo để án vị trí việc làm được phê duyệt, HDLD)					Ngoài định mức theo số biên chế đơn vị được bổ sung tối đa 01 xe/đơn vị		ĐVSNCL trực thuộc UBND tỉnh (trừ đơn vị thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục) bao gồm cả đơn vị trực thuộc có số biên chế dưới 20 người, Lao động HĐ		Các đơn vị có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng trực thuộc đơn vị SNCL có số biên chế từ 20 người trở lên (bao gồm cả số lượng người theo để án vị trí việc làm được phê duyệt, HDLD)		Các đơn ĐVSNCL trực thuộc UBND tỉnh thuộc lĩnh vực y tế, Nhà nước giao nhiệm vụ có số biên chế từ 20 người trở lên bao gồm cả LDHĐ		Các hội quản chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ có số biên chế từ 20 người trở lên bao gồm cả LDHĐ		
						Số lượng xe theo biên chế	Số lượng người làm việc	Số lượng xe theo biên chế	Số lượng người làm việc của các đơn vị sự nghiệp công lập (trừ đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo)	Số lượng người làm việc của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo	Các đơn vị còn lại	Diện tích	Đơn vị hành chính (trên 50% ĐVHC cấp xã thuộc danh mục địa bàn có ĐKKT đặc biệt KK	Số lượng xe theo biên chế	Số lượng người làm việc	Số lượng xe theo biên chế	Số lượng người làm việc của	Số lượng xe theo biên chế	Số lượng người làm việc	Số lượng xe theo biên chế	Số lượng người làm việc	Số lượng xe theo biên chế	Số lượng người làm việc	Số lượng xe theo biên chế		Số lượng người làm việc
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23				
	Tổng cộng (A+B)	322	584	609	331	73	1.934	226	1.552	10.973	1.098	16	16	15	572	7	186	6	480	2	184	-				
A	Cơ quan đơn vị cấp tỉnh	198	336	361	331	73	1.934	226	1.552	10.973	1.098	16	16	15	572	7	186	6	480	2	184	-				
I	Khởi Văn phòng cấp tỉnh	31	36	27	27	24	-	3	-	-	88	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-				
1	Văn phòng tỉnh ủy	7	12	8	8	8																				
2	Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	12	12	8	8	8																				
3	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	12	12	11	11	8		3	0	0	88															
3.1	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	9	9																							
3.1.1	Văn phòng Đảng ủy UBND tỉnh	3	3					I			36															
3.1.2	Trung tâm tin học và công báo							I			28															
3.1.3	Trung tâm Hội nghị và nhà khách							I			24															
II	Các Sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh	160	298	332	304	49	1.934	223	1.552	10.973	1.010	16	16	15	572	7	186	6	480	-	-	-				
1	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	12	8	6	6	4	210					1	1													
1.1	Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc tỉnh và Tổ chức trình trị - xã hội (Khởi VP)	12	7				192																			
1.2	Trung tâm Văn hóa - Thể thao Thanh Thiếu nhi		I				18																			
2	Sở Nội vụ	8	8	8	8	4	145	2	64			1	1													
2.1	Văn phòng Sở Nội vụ	5	5	0	0		129																			
2.2	Ban Thi đua khen thưởng	1	1	0	0		16																			
2.3	Trung tâm dịch vụ việc làm	2	I					I	32																	
2.4	Trung tâm lưu trữ lịch sử		I					I	32																	
3	Sở Tài chính	7	8	6	6	4	197					1	1													
3.1	Văn phòng Sở Tài chính	7	7	0	0		187																			
3.2	Trung tâm Tư vấn và xúc tiến đầu tư		I	0	0		10																			
4	Sở Ngoại vụ	2	3	3	3	1	33	0	0	0	0	1	1	0	0			0	0	0	0	0				
4.1	Văn phòng Sở Ngoại vụ (có 01 xe theo k5d8)	2	3	0	0		29																			
4.2	Trung tâm Thông tin tư vấn và Dịch vụ đối ngoại			0	0		4																			
5	Sở Nông nghiệp và Môi trường	23	31	41	41	4	201	35	797	0	862	1	1													
5.1	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường	10	10				98																			
5.2	BQL rừng đặc dụng Nà Hang (có 1 xe theo k5d8)						10																			
5.3	BQL rừng đặc dụng Tân trào - Cham Chu (đã có 1 xe theo k5d8)						6																			

					Tổng tiêu chuẩn định mức của Văn phòng cấp tỉnh, Sở, ngành cấp tỉnh	xã hội cấp tỉnh) bao gồm cả đơn vị trực thuộc có số biên chế dưới 20 người, Lao động HD		(bao gồm tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh), Văn phòng cấp tỉnh có số biên chế từ 20 người trở lên (bao gồm cả số lượng người theo đề án vị trí việc làm được phê duyệt, HDLD)				biên chế đơn vị được bổ sung tối đa 01 xe/đơn vị		mức lương của vị trí, ngành nghề theo đơn vị SNCL có số biên chế từ 20 người trở lên (bao gồm cả số lượng người theo đề án vị trí việc làm được phê duyệt, HDLD)		mức lương của vị trí, ngành nghề theo đơn vị SNCL có số biên chế từ 20 người trở lên (bao gồm cả số lượng người theo đề án vị trí việc làm được phê duyệt, HDLD)		Các đơn ĐVSNCN trực thuộc UBND tỉnh thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục bao gồm cả đơn vị trực thuộc có số biên chế dưới 20 người, Lao động HD		Các hội quản chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ có số biên chế từ 20 người trở lên bao gồm cả LDHD		
1	2	3	4	5		7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
5.4	BQL rừng phòng hộ Lâm Bình (đã có 1 xe theo k5d8)						16															
5.5	BQL rừng đặc dụng Tây Côn Lĩnh (đã có 1 xe theo k5d8)						19															
5.6	BQL rừng đặc dụng Bát Đại Sơn (đã có 1 xe theo k5d8)						18															
5.7	Trung tâm khoa học nông nghiệp và môi trường	1	1				18															
5.8	Trung tâm Điều tra, quy hoạch - thiết kế nông lâm nghiệp		1				16															
5.9	Văn phòng điều phối Chương trình MTQG xây dựng NTM tỉnh Tuyên Quang	1	1					1			20											
5.10	Chi cục Quản lý đất đai		1					1			25											
5.11	Chi cục Chăn nuôi thú y và thủy sản (đã có 2 xe theo k5d8)		1					2			141											
5.12	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (đã có 1 xe theo k5d8)	1	1					2			106											
5.13	Chi cục phát triển nông thôn và Quản lý Chất lượng	3	3					1			48											
5.14	Chi cục Thủy lợi	2	2					1			30											
5.15	Chi cục Bảo vệ môi trường	1	1					1			22											
5.16	Chi cục Kiểm lâm (có 21 xe ô tô theo k5 d 8)		2					9			470											
5.17	Trung tâm nước sạch nông thôn	2	2					1	45													
5.18	Trung tâm khuyến nông (đã có 1 xe theo k5d8)							4	219													
5.19	BQL rừng đặc dụng Phong Quang (có 1 xe theo k5d8)							1	20													
5.20	BQL rừng đặc dụng Du Già (đã có 1 xe theo k5d8)							1	21													
5.21	Quy hoạch và Phát triển rừng	1	1					1	25													
5.22	BQL khai thác công trình thủy lợi Tuyên Quang		2					2	60													
5.23	Trung tâm Thủy sản		1					1	47													
5.24	Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và Môi trường (đã có 2 xe theo k5d8)							2	80													
5.25	Văn phòng Đăng Ký đất đai	1	1					4	280													
6	Sở Xây dựng	20	10	10	10	4	154	4	137	0	1	1		0	0			0				
6.1	Văn phòng Sở xây dựng	14	5				146															
6.2	Văn phòng Ban an toàn giao thông	1	1				8															
6.3	Ban quản lý bảo trì đường bộ	1	1					1	37													
6.4	Trung tâm quy hoạch xây dựng	1	1					1	33													
6.5	Trung tâm kiểm định chất lượng	1	1					1	37													
6.6	Trung tâm đào tạo và đăng kiểm xe cơ giới	2	1					1	30													
7	Sở Tư pháp	4	6	6	6	3	106	1	22	0	0	1	1	0	0			0				
7.1	Văn phòng Sở Tư pháp	3	3				55															
7.2	Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước số 1	1	1				18															
7.3	Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản		1				13															
7.4	Phòng Công chứng số 1						12															

					Tổng tiêu chuẩn định mức của Văn phòng cấp tỉnh, Sở, ngành cấp tỉnh	xã hội cấp tỉnh) bao gồm cả đơn vị trực thuộc có số biên chế dưới 20 người, Lao động HĐ		(bao gồm tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh), Văn phòng cấp tỉnh có số biên chế từ 20 người trở lên (bao gồm cả số lượng người theo đề án vị trí việc làm được phê duyệt, HĐLĐ)				biên chế đơn vị được bổ sung tối đa 01 xe/dơn vị		m vị có tư cách pháp nhân, dấu, tài khoản riêng trực đơn vị SNCL có số biên chế từ 20 người trở lên (bao gồm cả số lượng người theo đề án vị trí việc làm được phê duyệt, HĐLĐ)				Các đơn ĐVSNCL trực thuộc UBND tỉnh thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục bao gồm cả đơn vị trực thuộc có số biên chế dưới 20 người, Lao động HĐ		Các hội quán chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ có số biên chế từ 20 người trở lên bao gồm cả LĐHĐ		
						Số lượng xe theo biên chế	Số lượng người làm việc	Số lượng xe theo biên chế	Số lượng người làm việc của các đơn vị sự nghiệp công lập (trừ đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo)	Số lượng người làm việc của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo	Các đơn vị còn lại	Diện tích	Đơn vị hành chính (trên 50% ĐVHC cấp xã thuộc danh mục địa bàn có ĐKKT đặc biệt KK	Số lượng xe theo biên chế	Số lượng người làm việc	Số lượng xe theo biên chế	Số lượng người làm việc của	Số lượng xe theo biên chế	Số lượng người làm việc	Số lượng xe theo biên chế	Số lượng người làm việc	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
7.5	Phòng Công chứng số 2						8															
7.6	Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước số 2		1				-	1	22													
8	Sở Công thương	13	7	7	7	2	76	3	29	-	148	1	1									
8.1	Văn phòng Sở Công thương	5	5				76															
8.2	Chi cục quản lý thị trường (có 12 xe theo k5 đã8)	7	1					2			148											
8.3	Trung tâm khuyến công - Xúc tiến công thương	1	1					1	29													
9	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	9	15	15	15	3	86	10	369	-	-	1	1	0								
9.1	Văn phòng Sở	3	5				86															
9.2	Bảo tàng tỉnh	2	2					1	39													
9.3	Thư viện tỉnh		1					1	31													
9.4	Trung tâm Văn hóa và Điện ảnh	2	2					2	87													
9.5	Trung tâm huấn luyện và Thi đấu thể thao	1	1					1	39													
9.6	Đoàn nghệ thuật dân tộc tỉnh		1					2	86													
9.7	Trung tâm xúc tiến du lịch	1	1					1	27													
9.8	Ban quản lý Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn		1					1	33													
9.9	Bảo tàng ATK Tân Trào		1					1	27													
10	Sở Khoa học và Công nghệ	5	7	7	7	3	87	2	55			1	1									
10.1	Văn phòng Khoa học và Công nghệ	4	6				87															
10.2	Trung tâm Chuyển đổi số	1	1				-	1	25													
10.3	Trung tâm khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo (có 1 xe theo k5Đ8)						-	1	30													
11	Sở Giáo dục và Đào tạo	8	95	92	92	4	179	86	0	4116	0	1	1	0								
11.1	Văn phòng Sở GDĐT	5	6				98															
11.2	Trung tâm GDNN-GDTX Quán Bạ		1				19															
11.3	Trung tâm GDNN-GDTX Đồng Văn		1				13															
11.4	Trung tâm GDNN-GDTX Na Hang		1				11															
11.5	Trung tâm GDNN-GDTX Lâm Bình		1				9															
11.6	Trung tâm GDNN-GDTX Chiêm Hóa		1				11															
11.7	Trung tâm GDNN-GDTX Hàm Yên		1				9															
11.8	Trung tâm GDNN-GDTX Yên Sơn		1				9															
11.9	Trung tâm GDNN-GDTX Sơn Dương		1					1	20													
11.10	Trường THPT Chuyên	1	1					1	83													
11.11	Trường Phổ thông dân tộc nội trú THPT tỉnh Tuyên Quang	1	1					1	51													
11.12	Trường Trung cấp DTNT- GDTX Bắc Quang	1	1					1	54													
11.13	Trung tâm GDNN-GDTX Vị Xuyên		1					1	20													
11.14	Trung tâm GDNN-GDTX Quang Bình		1					1	23													

Trang 4/10

					Tổng tiêu chuẩn định mức của Văn phòng cấp tỉnh, Sở, ngành cấp tỉnh	xã hội cấp tỉnh) bao gồm cả đơn vị trực thuộc có số biên chế dưới 20 người, Lao động HD		(bao gồm tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh), Văn phòng cấp tỉnh có số biên chế từ 20 người trở lên (bao gồm cả số lượng người theo đề án vị trí việc làm được phê duyệt, HDLD)			biên chế đơn vị được bổ sung tối đa 01 xe/đơn vị			đơn vị trực thuộc có số biên chế dưới 20 người, Lao động HD		đơn vị SNCL có số biên chế từ 20 người trở lên (bao gồm cả số lượng người theo đề án vị trí việc làm được phê duyệt, HDLD)		Các đơn ĐVSNCL trực thuộc UBND tỉnh thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục bao gồm cả đơn vị trực thuộc có số biên chế dưới 20 người, Lao động HD		Các hội quản chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ có số biên chế từ 20 người trở lên bao gồm cả LDHD		
						Số lượng xe theo biên chế	Số lượng người làm việc	Số lượng xe biên chế	Số lượng người làm việc của các đơn vị sự nghiệp công lập (trừ đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo)	Số lượng người làm việc của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo	Các đơn vị còn lại	Diện tích	Đơn vị hành chính (trên 50% ĐVHC cấp xã thuộc danh mục địa bàn có ĐKKT đặc biệt KK	Số lượng xe theo biên chế	Số lượng người làm việc	Số lượng xe theo biên chế	Số lượng người làm việc của	Số lượng xe theo biên chế	Số lượng người làm việc	Số lượng xe theo biên chế	Số lượng người làm việc	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
11.47	Trường THCS&THPT Thông Nguyên		I					I		48												
11.48	Trường THCS&THPT Nà Chi		I					I		51												
11.49	Trường THCS&THPT Xin Mần		I					I		32												
11.50	Trường PTDTNT THCS&THPT Đổng Văn		I					I		49												
11.51	Trường PTDTNT THCS&THPT Mèo Vạc		I					I		45												
11.52	Trường PTDTNT THCS&THPT Xin Mần		I					I		43												
11.53	Trường PTDTNT THCS&THPT Yên Minh		I					I		58												
11.54	Trường PTDTNT THCS&THPT Quản Bạ		I					I		46												
11.55	Trường PTDTNT THCS&THPT Bắc Mê		I					I		43												
11.56	Trường PTDTNT THCS&THPT Vị Xuyên		I					I		46												
11.57	Trường PTDTNT THCS&THPT Bắc Quang		I					I		66												
11.58	Trường PTDTNT THCS&THPT Quang Bình		I					I		41												
11.59	Trường PTDTNT THCS&THPT Hoàng Su Phì		I					I		44												
11.60	Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS và THPT Nà Hang		I					I		49												
11.61	Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS và THPT Hàm Yên		I					I		42												
11.62	Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS và THPT Chiêm Hoá		I					I		43												
11.63	Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS và THPT Lâm bình		I					I		43												
11.64	Trường THPT Lâm Bình		I					I		24												
11.65	Trường THCS-THPT Thượng Lâm		I					I		35												
11.66	Trường THPT Nà Hang		I					I		27												
11.67	Trường THPT Yên Hoa		I					I		41												
11.68	Trường THPT Đầm Hồng		I					I		34												
11.69	Trường THPT Minh Quang		I					I		48												
11.70	Trường THPT Kim Bình		I					I		41												
11.71	Trường THCS và THPT Hà Lang		I					I		53												
11.72	Trường THPT Chiêm Hoá		I					I		61												
11.73	Trường THCS và THPT Hoà Phú		I					I		56												
11.74	Trường THPT Phù Lưu		I					I		46												
11.75	Trường THPT Hàm Yên		I					I		74												
11.76	Trường THPT Thái Hoà		I					I		75												
11.77	Trường THPT Xuân Huy		I					I		52												

Trang 6/10

					Tổng tiêu chuẩn định mức của Văn phòng cấp tỉnh, Sở, ngành cấp tỉnh	xã hội cấp tỉnh) bao gồm cả đơn vị trực thuộc có số biên chế dưới 20 người, Lao động HĐ		(bao gồm tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh), Văn phòng cấp tỉnh có số biên chế từ 20 người trở lên (bao gồm cả số lượng người theo đề án vị trí việc làm được phê duyệt, HDLD)			biên chế đơn vị được bổ sung tối đa 01 xe/dơn vị		mức lương của đơn vị y tế, giáo dục và đào tạo				đơn vị SNCL có số biên chế từ 20 người trở lên (bao gồm cả số lượng người theo đề án vị trí việc làm được phê duyệt, HDLD)		Các đơn ĐVSNCN trực thuộc UBND tỉnh thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục bao gồm cả đơn vị trực thuộc có số biên chế dưới 20 người, Lao động HĐ		Các hội quản chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ có số biên chế từ 20 người trở lên bao gồm cả LDHĐ		
						Số lượng xe theo biên chế	Số lượng người làm việc	Số lượng xe theo biên chế	Số lượng người làm việc của các đơn vị sự nghiệp công lập (trừ đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo)	Số lượng người làm việc của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo	Các đơn vị còn lại	Diện tích	Đơn vị hành chính (trên 50% ĐVHC cấp xã thuộc danh mục địa bàn có ĐKKKT đặc biệt KK	Số lượng xe theo biên chế	Số lượng người làm việc	Số lượng xe theo biên chế	Số lượng người làm việc của	Số lượng xe theo biên chế	Số lượng người làm việc	Số lượng xe theo biên chế	Số lượng người làm việc		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	
12.13	Bệnh viện Phổi Hà Giang	I	I					I		94													
12.14	Bệnh viện Phục hồi chức năng Hương Sen		I					I		55													
12.15	Bệnh viện Phục hồi chức năng Hà Giang		I					I		62													
12.16	Bệnh viện Suối Khoáng Mỹ Lâm		I					I		54													
12.17	Bệnh viện Mắt Hà Giang		I					I		46													
12.18	Bệnh viện đa khoa khu vực ATK		I					I		31													
12.19	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Hoa		I					I		31													
12.20	Bệnh viện đa khoa khu vực Kim Xuyên		I					I		45													
12.21	Bệnh viện đa khoa khu vực Mèo Vạc		I					I		73													
12.22	Bệnh viện đa khoa khu vực Đồng Văn		I					I		82													
12.23	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Mê		I					I		71													
12.24	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh		I					2		155													
12.25	Bệnh viện đa khoa khu vực Quâ Bạ		I					I		78													
12.26	Bệnh viện đa khoa khu vực Hoàng Su Phì		I					2		114													
12.27	Bệnh viện đa khoa khu vực Xín Mần		I					I		90													
12.28	Bệnh viện đa khoa khu vực Nà Chì		I					I		69													
12.29	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	I	I					2		199													
12.30	Bệnh viện đa khoa khu vực Quang Bình		I					2		112													
12.31	Bệnh viện đa khoa khu vực Vĩ Xuyên		I					2		127													
12.32	Trung tâm Y tế khu vực Na Hang		I					2		160													
12.33	Trung tâm y tế khu vực Lâm Bình		I					2		127													
12.34	Trung tâm Y tế khu vực Chiêm Hóa		I					3		334													
12.35	Trung tâm Y tế khu vực Hàm Yên		I					2		257													
12.36	Trung tâm Y tế khu vực Yên Sơn		I					2		257													
12.37	Trung tâm Y tế khu vực Sơn Dương		I					3		305													
12.38	Trung tâm Y tế khu vực Tuyên Quang		I					2		140													
12.39	Trung tâm Y tế khu vực Mèo Vạc		I					2		114													
12.40	Trung tâm y tế khu vực Đồng Văn		I					2		116													
12.41	Trung tâm Y tế khu vực Yên Minh		I					2		109													

Trang 8/10

					Tổng tiêu chuẩn định mức của Văn phòng cấp tỉnh, Sở, ngành cấp tỉnh	xã hội cấp tỉnh) bao gồm cả đơn vị trực thuộc có số biên chế dưới 20 người, Lao động HD		(bao gồm tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh), Văn phòng cấp tỉnh có số biên chế từ 20 người trở lên (bao gồm cả số lượng người theo đề án vị trí việc làm được phê duyệt, HDLD)				biên chế đơn vị được bổ sung tối đa 01 xe/đơn vị		mức lương của đơn vị trực thuộc có số biên chế dưới 20 người, Lao động HD				mức lương của đơn vị trực thuộc có số biên chế từ 20 người trở lên (bao gồm cả số lượng người theo đề án vị trí việc làm được phê duyệt, HDLD)				Các đơn ĐVSNCL trực thuộc UBND tỉnh thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục bao gồm cả đơn vị trực thuộc có số biên chế dưới 20 người, Lao động HD		Các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ có số biên chế từ 20 người trở lên bao gồm cả LDHD		
						Số lượng xe theo biên chế	Số lượng người làm việc	Số lượng xe theo biên chế	Số lượng người làm việc của các đơn vị sự nghiệp công lập (trừ đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo)	Số lượng người làm việc của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo	Các đơn vị còn lại	Diện tích	Đơn vị hành chính (trên 50% ĐVHC cấp xã thuộc danh mục địa bàn có ĐKKT đặc biệt KK	Số lượng xe theo biên chế	Số lượng người làm việc	Số lượng xe theo biên chế	Số lượng người làm việc của	Số lượng xe theo biên chế	Số lượng người làm việc	Số lượng xe theo biên chế	Số lượng người làm việc	Số lượng xe theo biên chế	Số lượng người làm việc			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23				
29	BQL dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Tuyên Quang	3	9	9	0									2	69	7	186									
29.1	Văn phòng Ban	3	2																							
29.2	Ban QLDA ĐTXD công trình khu vực Thánh Tuyền		1														1	36								
29.3	Ban QLDA ĐTXD công trình khu vực Sơn Dương		1														1	26								
29.4	Ban QLDA ĐTXD công trình khu vực Yên Sơn		1														1	28								
29.5	Ban QLDA ĐTXD công trình khu vực Hàm Yên		1														1	22								
29.6	Ban QLDA ĐTXD công trình khu vực Chiêm Hóa		1														1	25								
29.7	Ban QLDA ĐTXD công trình khu vực Na Hang		1														1	27								
29.8	Ban QLDA ĐTXD công trình khu vực Lâm Bình		1													1	22									
III	Tổ chức Hội cấp tỉnh	7	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	184	0				
1	Hội Luật gia tỉnh Tuyên Quang		1	1	0															1	23					
2	Liên minh Hợp tác xã	2	1	1	0															1	20					
3	Hội Văn học nghệ thuật	1		0	0																16					
4	Hội chữ thập đỏ	2		0	0																18					
5	Hội nhà báo	1		0	0																7					
6	Hội Đồng y tỉnh	1		0	0																11					
7	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh			0	0																2					
8	Hội bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi			0	0																11					
9	Hội khuyến học tỉnh Tuyên Quang			0	0																8					
10	Hội Nạn nhân chất độc Dacam/Dioxin			0	0																7					
11	Hội Cựu thanh niên xung phong			0	0																8					
12	Hội người cao tuổi			0	0																8					
13	Hội Lâm vườn			0	0																10					
14	Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật			0	0																11					
15	Hội Cựu giáo chức			0	0																3					
16	Hội Hữu nghị Việt Nam - Lào			0	0																3					
17	Đoàn Luật sư tỉnh Tuyên Quang			0	0																6					
18	Hội Liên hiệp thanh niên			0	0																3					
19	Câu lạc bộ Tân trào			0	0																3					
20	Hội hữu nghị Việt Nam - Lào			0	0																3					
21	Hội hữu nghị Việt Nam - Thái Lan			0	0																3					

|--|